



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 11 tháng 10 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hải
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Ngọc Bình
Ông Lê Quốc Ân
Ông Nguyễn Đức Trị

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh
Ông Nguyễn Thanh Sơn
Ông Hoàng Duy Khánh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Ngọc Bình
Bà Hoàng Thùy Oanh
Bà Trần Thị Hòa Châu
Ông Phạm Ngọc Trung
Ông Phan Quang Long
Ông Nguyễn Phước Hoàng
Ông Nguyễn Văn Cường
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng
Bà Nguyễn Thị Thu Trang
Bà Nguyễn Thị Tường Long

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Ông Ích Đường, Phường Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
(địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:
36 Ông Ích Đường, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam)

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.


Thay mặt Ban điều hành
Nguyễn Ngọc Bình
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Việt Nam

áo cáo soát xét số: 25-04-00041-25-2

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025



Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.368.292.299.230	2.095.059.428.168
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	524.581.222.971	467.127.892.045
Tiền	111		23.952.222.971	20.290.892.045
Các khoản tương đương tiền	112		500.629.000.000	446.837.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		307.890.000.000	254.147.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	307.890.000.000	254.147.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		633.395.162.855	531.304.978.294
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	615.687.089.145	516.827.779.410
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.652.299.766	4.750.973.972
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12(b)	2.342.860.000	2.342.860.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	10.422.903.290	13.093.354.258
Dự phòng phải thu khó đòi	137	14	(5.709.989.346)	(5.709.989.346)
Hàng tồn kho	140	15	844.679.015.719	788.055.765.802
Hàng tồn kho	141		845.948.327.847	791.169.053.920
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.269.312.128)	(3.113.288.118)
Tài sản ngắn hạn khác	150		57.746.897.685	54.423.792.027
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	12.103.989.093	13.026.440.121
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.132.930.888	41.397.351.906
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	4.509.977.704	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		773.192.929.985	827.156.188.678
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.135.795.192	3.335.572.947
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12(b)	1.171.430.000	2.342.860.000
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	964.365.192	992.712.947
Tài sản cố định	220		704.410.429.543	743.409.697.671
Tài sản cố định hữu hình	221	16	703.268.679.003	741.857.629.190
Nguyên giá	222		2.234.798.493.184	2.205.247.960.387
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.531.529.814.181)	(1.463.390.331.197)
Tài sản cố định vô hình	227	17	1.141.750.540	1.552.068.481
Nguyên giá	228		13.247.792.834	13.247.792.834
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.106.042.294)	(11.695.724.353)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.430.290.686	16.490.702.063
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	2.430.290.686	16.490.702.063
Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.996.099.409	19.321.903.158
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(b)	19.396.099.409	18.371.879.809
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	6.900.000.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(b)	(6.300.000.000)	(6.805.678.651)
Tài sản dài hạn khác	260		44.220.315.155	44.598.312.839
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	43.080.024.898	42.994.997.756
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	1.140.290.257	1.603.315.083
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.141.485.229.215	2.922.215.616.846

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.073.068.542.689	1.998.251.477.307
Nợ ngắn hạn	310		1.862.803.762.236	1.790.076.791.322
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	219.399.682.723	275.303.517.197
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.385.254.043	7.777.743.098
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	74.439.262.863	32.004.718.263
Phải trả người lao động	314		356.859.622.418	327.726.660.491
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	7.127.445.554	6.704.298.618
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		720.165.933	87.787.572
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	28.083.893.118	136.191.540.073
Vay ngắn hạn	320	25(a)	1.057.534.540.858	926.129.534.398
Dự phòng phải trả	321		57.021.777	41.898.300
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	110.196.872.949	78.109.093.312
Nợ dài hạn	330		210.264.780.453	208.174.685.985
Vay dài hạn	338	25(b)	209.863.580.094	207.696.853.193
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	401.200.359	477.832.792
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.068.416.686.526	923.964.139.539
Vốn chủ sở hữu	410	27	1.068.416.686.526	923.964.139.539
Vốn cổ phần	411	28	360.027.080.000	360.027.080.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>360.027.080.000</i>	<i>360.027.080.000</i>
Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.090.730.000	5.090.730.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	258.838.676.920	216.569.826.120
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		402.945.436.081	302.002.876.633
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>217.725.208.111</i>	<i>165.095.767.253</i>
- <i>LNST kỳ này/ năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>185.220.227.970</i>	<i>136.907.109.380</i>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		41.514.763.525	40.273.626.786
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.141.485.229.215	2.922.215.616.846

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Thùy Linh
Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Bình
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	2.587.064.196.871	2.273.389.525.171
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	69.309.709	83.391.057
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	32	2.586.994.887.162	2.273.306.134.114
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	2.242.620.461.658	2.010.081.795.076
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		344.374.425.504	263.224.339.038
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	54.908.451.497	48.182.144.167
Chi phí tài chính	22	35	37.315.884.581	38.322.001.871
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.901.635.203	18.557.317.987
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.667.019.600	1.209.207.224
Chi phí bán hàng	25	36	41.645.423.878	51.239.939.272
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	94.553.915.816	84.791.252.022
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		227.434.672.326	138.262.497.264
Thu nhập khác	31	38	5.946.585.419	5.656.037.062
Chi phí khác	32	39	921.735.242	1.359.618.873
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5.024.850.177	4.296.418.189
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		232.459.522.503	142.558.915.453
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	43.859.991.650	28.335.183.590
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	41	386.392.393	567.413.380
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		188.213.138.460	113.656.318.483

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (trang trước mang sang)	60		188.213.138.460	113.656.318.483
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		185.220.227.970	115.151.068.245
Cổ đông không kiểm soát	62		2.992.910.490	(1.494.749.762)
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	4.589	2.720

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Thùy Linh
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Bình
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		232.459.522.503	142.558.915.453
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		68.826.184.151	61.086.728.529
Các khoản dự phòng	03		(2.334.531.164)	(1.851.777.964)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.812.355.261	9.724.762.838
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.223.679.082)	(12.240.713.228)
Chi phí lãi vay	06		21.901.635.203	18.557.317.987
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		312.441.486.872	217.835.233.615
Biến động các khoản phải thu	09		(104.723.067.299)	(33.997.930.665)
Biến động hàng tồn kho	10		(54.779.273.927)	(187.004.834.925)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		21.343.792.392	29.870.376.240
Biến động chi phí trả trước	12		793.618.660	(1.094.804.483)
			175.076.556.698	25.608.039.782
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.841.595.293)	(18.734.448.719)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	22(b)	(24.044.796.762)	(19.993.335.857)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		303.000.000	300.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	26	(10.350.502.836)	(10.451.372.457)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		119.142.661.807	(23.271.117.251)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(42.167.765.609)	(69.173.521.313)
Tiền (chi)/thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		(23.981.481)	24.292.929
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(346.240.000.000)	(211.921.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		293.668.430.000	192.275.132.730
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		655.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		14.870.596.796	12.545.282.063
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(79.237.720.294)	(76.249.813.591)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.137.968.429.733	2.016.206.022.117
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.012.653.265.820)	(1.677.972.335.171)
Tiền trả cổ tức	36		(107.766.774.500)	(123.880.915.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.548.389.413	214.352.771.946
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		57.453.330.926	114.831.841.104
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		467.127.892.045	210.985.575.944
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	9	524.581.222.971	325.817.417.048

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Thùy Linh
Chuyên viênNguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Bình
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty	
		30/6/2025	1/1/2025
	Công ty con		
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%
	Công ty liên kết		
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	30,61%	30,61%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty và các công ty con có 9.768 nhân viên (1/1/2025: 9.631 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán sáu tháng của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Riêng đối với báo cáo bộ phận, Tổng Công ty thực hiện trình bày số liệu làm tròn đến hàng nghìn (Thuyết minh 8).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cầu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên giao gia công. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phần bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày báo cáo và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực bao gồm may mặc và sản xuất sợi.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào vị trí địa lý của thị trường và khách hàng của Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tổng Công ty, công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Báo cáo bộ phận****(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

- May mặc
- Sợi

	May mặc		Sợi		Loại trừ		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024	30/6/2025	30/6/2024	30/6/2025	30/6/2024	30/6/2025	30/6/2024
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	2.121.624.838	1.779.622.011	465.370.049	493.684.123	-	-	2.586.994.887	2.273.306.134
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	78.106.744	66.851.624	31.973.849	24.709.101	(110.080.593)	(91.560.725)	-	-
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	2.199.731.582	1.846.473.635	497.343.898	518.393.224	(110.080.593)	(91.560.725)	2.586.994.887	2.273.306.134
Kết quả kinh doanh của bộ phận	303.750.591	236.437.949	40.623.835	26.786.390	-	-	344.374.426	263.224.339
Doanh thu tài chính							54.908.451	48.182.144
Chi phí tài chính							37.315.885	38.322.002
Phần lãi trong công ty liên kết							1.667.020	1.209.207
Chi phí không phân bổ							136.199.340	136.031.191
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							5.024.850	4.296.418
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ							232.459.522	142.558.915
Chi phí thuế TNDN hiện hành							43.859.992	28.335.184
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							386.392	567.413
Lợi nhuận thuần sau thuế							188.213.138	113.656.318

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	May mặc		Sợi		Tổng cộng	
	30/6/2025 Nghìn VND	1/1/2025 Nghìn VND	30/6/2025 Nghìn VND	1/1/2025 Nghìn VND	30/6/2025 Nghìn VND	1/1/2025 Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	1.694.500.811	1.622.677.154	544.219.607	518.755.281	2.238.720.418	2.141.432.435
Tài sản không phân bổ					902.764.811	780.783.182
Tổng tài sản					3.141.485.229	2.922.215.617
Nợ phải trả của bộ phận	1.359.264.772	1.452.091.337	368.467.643	274.032.811	1.727.732.415	1.726.124.148
Các khoản nợ không phân bổ					345.336.128	272.127.329
Tổng nợ phải trả					2.073.068.543	1.998.251.477
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày						
					30/6/2025	30/6/2024
					Nghìn VND	Nghìn VND
Chi tiêu vốn					42.167.766	69.173.521
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					68.372.061	60.644.574
Khấu hao tài sản cố định vô hình					410.318	398.349

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Thụy Điển
- Các vùng địa lý khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025								
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	829.290.040	633.153.523	273.629.543	-	161.894.732	200.003.394	489.023.655	2.586.994.887
Kết quả kinh doanh của bộ phận	62.112.177	83.041.879	23.138.260	-	109.924.649	15.904.184	50.253.277	344.374.426
Thu nhập không phân bổ								56.575.471
Chi phí không phân bổ								173.515.225
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								227.434.672
Thu nhập khác								5.946.585
Chi phí khác								921.735
Chi phí thuế TNDN hiện hành								43.859.992
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								386.392
Lợi nhuận thuần sau thuế								188.213.138

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024								
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	798.288.865	454.701.158	197.160.133	57.274.830	205.725.156	162.333.541	397.822.451	2.273.306.134
Kết quả kinh doanh của bộ phận	71.123.923	71.844.743	16.486.679	6.353.237	51.169.212	14.486.874	31.759.671	263.224.339
Thu nhập không phân bổ								49.391.351
Chi phí không phân bổ								174.353.193
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								138.262.497
Thu nhập khác								5.656.037
Chi phí khác								1.359.619
Chi phí thuế TNDN hiện hành								28.335.184
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								567.413
Lợi nhuận thuần sau thuế								113.656.318

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024, hầu hết tài sản bộ phận của Tổng Công ty chỉ tập trung trong một vùng địa lý là Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	188.958.717	227.792.036
Tiền gửi ngân hàng	23.763.264.254	20.063.100.009
Các khoản tương đương tiền	500.629.000.000	446.837.000.000
	524.581.222.971	467.127.892.045

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm dao động từ 1,9% đến 4,75% (1/1/2025: từ 0,5% đến 4,75%).

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	307.890.000.000	254.147.000.000
	307.890.000.000	254.147.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, với lãi suất năm từ 4,1% đến 5,8% (1/1/2025: từ 3,0% đến 5,7%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 13.000 triệu VND (1/1/2025: 13.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 25).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		30/6/2025					1/1/2025				
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty liên kết											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Đà Nẵng	642.800	30,61%	30,61%	17.402.101.209	-	642.800	30,61%	30,61%	16.761.043.772	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Đà Nẵng	400.000	20,00%	20,00%	1.993.998.200	-	400.000	20,00%	20,00%	1.610.836.037	-
					19.396.099.409	-				18.371.879.809	-
Đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	-	-	-	-	-	6.500	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Đà Nẵng	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					6.900.000.000	(6.300.000.000)				7.755.702.000	(6.805.678.651)
					26.296.099.409	(6.300.000.000)				26.127.581.809	(6.805.678.651)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Motives International (Hong Kong) Limited	235.864.276.189	160.078.938.476
Haggar Clothing Co.	93.724.724.017	124.387.033.539
Các khách hàng khác	286.098.088.939	232.361.807.395
	615.687.089.145	516.827.779.410

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị ghi sổ là 200.111 triệu VND (1/1/2025: 141.421 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	88.717.898	121.055.860
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	91.596.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	-	3.118.303
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	-	53.265.600
	180.313.898	177.439.763

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay chi tiết theo đối tượng lớn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan - công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	3.514.290.000	4.685.720.000

(*) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất 7,1%/năm (1/1/2025: 6,7%/năm) và sẽ được hoàn trả theo lịch trả nợ trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 25 tháng 1 năm 2022.

(b) Phải thu về cho vay phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	2.342.860.000	2.342.860.000
Dài hạn	1.171.430.000	2.342.860.000
	3.514.290.000	4.685.720.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền lãi phải thu	4.273.426.254	3.937.823.412
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	197.456.250	164.456.250
Tạm ứng nhân viên	2.307.282.932	1.516.186.862
Thuế nhập khẩu tạm nộp	227.584.532	339.996.504
Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp	2.188.604.189	6.356.296.046
Phải thu khác	1.228.549.133	778.595.184
	10.422.903.290	13.093.354.258

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	964.365.192	992.712.947

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2025			Thời gian quá hạn	1/1/2025		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi			(5.709.989.346)				(5.709.989.346)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	124.846.024.031	-	116.568.120.966	(487.038.128)
Nguyên vật liệu	212.332.725.286	-	218.277.432.394	(294.882.197)
Công cụ và dụng cụ	1.452.242.267	-	1.163.593.998	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	384.493.658.262	-	338.134.768.457	(311.122.549)
Thành phẩm	67.009.213.754	(837.917.390)	38.749.002.229	(1.250.715.386)
Hàng hóa	4.395.594.663	(243.281.693)	5.266.692.940	(468.659.940)
Hàng gửi đi bán	51.418.869.584	(188.113.045)	73.009.442.936	(300.869.918)
	845.948.327.847	(1.269.312.128)	791.169.053.920	(3.113.288.118)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 2.350 triệu VND (1/1/2025: 90.203 triệu VND) thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 795.813 triệu VND (1/1/2025: 676.790 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 25(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	513.541.062.465	1.429.806.603.581	140.230.092.982	15.370.908.954	106.299.292.405	2.205.247.960.387
Tăng trong kỳ	1.079.386.148	3.809.558.825	379.618.183	391.737.500	1.578.057.667	7.238.358.323
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.887.889.878	18.510.643.118	1.739.979.478	-	406.240.000	22.544.752.474
Thanh lý	-	(232.578.000)	-	-	-	(232.578.000)
Số dư cuối kỳ	516.508.338.491	1.451.894.227.524	142.349.690.643	15.762.646.454	108.283.590.072	2.234.798.493.184
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	243.784.850.286	1.051.367.367.126	63.382.845.949	9.723.219.146	95.132.048.690	1.463.390.331.197
Khấu hao trong kỳ	12.383.634.426	46.121.216.876	7.424.062.079	605.513.907	1.837.633.696	68.372.060.984
Thanh lý	-	(232.578.000)	-	-	-	(232.578.000)
Số dư cuối kỳ	256.168.484.712	1.097.256.006.002	70.806.908.028	10.328.733.053	96.969.682.386	1.531.529.814.181
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	269.756.212.179	378.439.236.455	76.847.247.033	5.647.689.808	11.167.243.715	741.857.629.190
Số dư cuối kỳ	260.339.853.779	354.638.221.522	71.542.782.615	5.433.913.401	11.313.907.686	703.268.679.003

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 893.369 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 869.029 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 373.385 triệu VND (1/1/2025: 360.960 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	13.247.792.834
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	11.695.724.353
Khấu hao trong kỳ	410.317.941
Số dư cuối kỳ	12.106.042.294
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.552.068.481
Số dư cuối kỳ	1.141.750.540

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 9.628 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (1/1/2025: 9.273 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	16.490.702.063	921.944.983
Tăng trong kỳ	8.484.341.097	64.429.846.079
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(22.544.752.474)	(31.654.058.029)
Số dư cuối kỳ	2.430.290.686	33.697.733.033

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đầu tư thiết bị ngành sợi	1.019.846.471	16.376.257.618
Các công trình khác	1.410.444.215	114.444.445
Tổng cộng	2.430.290.686	16.490.702.063

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	3.157.265.072	2.237.099.382
Công cụ và dụng cụ	1.105.772.435	1.937.008.314
Trả trước phí bảo hiểm	1.002.572.455	2.846.600.140
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.838.379.131	6.005.732.285
	12.103.989.093	13.026.440.121

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	3.665.037.468	22.380.197.615	16.949.762.673	42.994.997.756
Tăng trong kỳ	-	6.085.100.323	6.872.897.775	12.957.998.098
Phân bổ trong kỳ	(43.805.226)	(6.253.818.677)	(6.556.932.354)	(12.854.556.257)
Thanh lý	-	(18.414.699)	-	(18.414.699)
Số dư cuối kỳ	3.621.232.242	22.193.064.562	17.265.728.094	43.080.024.898

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	-	218.608.575
Doanh thu chưa thực hiện và các khoản khác	20%	1.140.290.257	1.384.706.508
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.140.290.257	1.603.315.083
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	(401.200.359)	(477.832.792)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		739.089.898	1.125.482.291

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Hultafors Group AB	23.416.160.397	23.110.495.965
Các nhà cung cấp khác	195.983.522.326	252.193.021.232
	219.399.682.723	275.303.517.197

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	4.094.299.005	4.584.283.628
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	2.265.263.462	6.264.687
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	31.085.683	3.051.994.197
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	13.893.727	308.284.940
Tổng công ty Cổ phần Phong Phú	-	274.347.052
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín - công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty	390.593.395	180.307.585
	6.795.135.272	8.405.482.089

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số bù trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.509.977.704	-	4.509.977.704

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.812.967.617	76.261.707.958	(53.370.282.997)	27.704.392.578
Thuế nhập khẩu	-	716.390.083	(716.390.083)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.033.991.325	43.859.991.650	(24.044.796.762)	43.849.186.213
Thuế thu nhập cá nhân	3.157.759.321	3.510.895.620	(6.659.581.128)	9.073.813
Tiền thuê đất	-	2.876.610.259	-	2.876.610.259
Các loại thuế khác	-	64.627.416	(64.627.416)	-
	32.004.718.263	127.290.222.986	(84.855.678.386)	74.439.262.863

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí hoạt động	3.567.107.124	3.592.217.427
Chi phí lãi vay	469.617.579	409.577.669
Chi phí tiền điện, nước	2.467.058.577	2.393.272.038
Các khoản trích trước khác	623.662.274	309.231.484
	7.127.445.554	6.704.298.618

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	20.249.407.541	20.023.823.327
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	986.695.261	1.396.591.175
Cổ tức phải trả		
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam – công ty mẹ	-	66.822.615.000
▪ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín – công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty	-	226.551.000
▪ Cổ đông khác	3.456.577.100	42.548.876.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.391.213.216	5.173.082.971
	28.083.893.118	136.191.540.073

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2025	Biến động trong kỳ			30/6/2025
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	917.966.922.801	2.137.968.429.733	(2.008.807.601.314)	2.366.050.872	1.049.493.802.092
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	8.162.611.597	3.530.746.069	(3.845.664.506)	193.045.606	8.040.738.766
	926.129.534.398	2.141.499.175.802	(2.012.653.265.820)	2.559.096.478	1.057.534.540.858

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	3,0% - 3,4%	329.522.471.876	426.032.327.527
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	2,7% - 3,3%	159.314.365.617	244.600.157.644
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	3,65%	46.540.149.409	31.869.587.844
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	3,7%	36.441.015.422	27.773.921.413
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	3,5%	28.157.570.242	86.362.907.945
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	3,0% - 3,4%	337.907.420.176	69.396.695.846
Vay ngân hàng 7 (i)	VND	3,0%	70.523.569.672	-
Vay ngân hàng 8 (ii)	VND	4,5% - 4,6%	8.971.421.542	-
Vay ngân hàng 9 (ii)	VND	3,0%	31.915.818.136	31.666.283.486
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	6,0%	200.000.000	265.041.096
			1.049.493.802.092	917.966.922.801

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 10(a)), một số khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 11), hàng tồn kho (Thuyết minh 15) và tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 16) của Tổng Công ty và các công ty con.
- (ii) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay dài hạn	217.904.318.860	215.859.464.790
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.040.738.766)	(8.162.611.597)
 Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	 209.863.580.094	 207.696.853.193

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,6%	2025	930.000.000	1.550.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		SOFR +			
– Công ty mẹ (ii)	USD	0,7%	2039	216.974.318.860	214.309.464.790
				 217.904.318.860	 215.859.464.790

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 10(a)) của Tổng Công ty.
- (ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á có hạn mức là 9.042.587 USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 16) của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	78.109.093.312	81.589.145.340
Trích lập trong kỳ	42.135.282.473	15.151.402.319
Tăng khác	303.000.000	300.000.000
Sử dụng trong kỳ	(10.350.502.836)	(10.451.372.457)
Số dư cuối kỳ	110.196.872.949	86.589.175.202

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	360.027.080.000	3.300.280.000	206.579.950.294	227.896.456.204	39.002.269.282	836.806.035.780
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	115.151.068.245	(1.494.749.762)	113.656.318.483
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.989.875.826	(9.989.875.826)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	(72.005.416.000)	(181.053.000)	(72.186.469.000)
Cổ tức bằng cổ phiếu ở công ty con	-	1.790.450.000	-	(1.790.450.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(15.017.655.125)	(133.747.194)	(15.151.402.319)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	360.027.080.000	5.090.730.000	216.569.826.120	244.244.127.498	37.192.719.326	863.124.482.944
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	360.027.080.000	5.090.730.000	216.569.826.120	302.002.876.633	40.273.626.786	923.964.139.539
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	185.220.227.970	2.992.910.490	188.213.138.460
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	42.268.850.800	(42.268.850.800)	-	-
Cổ tức ở công ty con	-	-	-	-	(1.625.309.000)	(1.625.309.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(42.008.817.722)	(126.464.751)	(42.135.282.473)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	360.027.080.000	5.090.730.000	258.838.676.920	402.945.436.081	41.514.763.525	1.068.416.686.526

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	36.002.708	360.027.080.000	36.002.708	360.027.080.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	36.002.708	360.027.080.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	36.002.708	360.027.080.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	30/6/2025 và 1/1/2025		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.274.205	222.742.050.000	61,87%
Các cổ đông khác	13.728.503	137.285.030.000	38,13%
	36.002.708	360.027.080.000	100%

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

30. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 144.011 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 40%/vốn điều lệ) cho năm 2024; khoản cổ tức này đã được tạm ứng qua hai đợt vào ngày 11 tháng 6 năm 2024 và ngày 21 tháng 11 năm 2024 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: cổ tức bằng tiền trị giá 126.009 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 35%/vốn điều lệ) cho năm 2023, trong đó, khoản cổ tức đã tạm ứng trong năm 2023 là 90.007 triệu VND).

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	28.602.798.317	28.941.716.857
Trong vòng hai đến năm năm	92.038.633.042	98.687.793.233
Sau năm năm	159.543.533.112	166.214.887.509
	280.184.964.471	293.844.397.599

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	Đơn vị	30/6/2025	1/1/2025
	tính	Số lượng	Số lượng
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 1	Mét	16.332.602	12.650.039
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 2	Cái	11.946.084	16.369.521
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 3	Yard	2.398.583	2.197.318
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 4	Bộ	79.237	1.212.634
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 5	Cuộn	31.565	21.089
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 6	Đôi	6.078	-
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 7	Kilôgam	13	25

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Ngoại tệ

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	388.147	10.045.860.644	229.374	5.793.579.100

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	162.875.000.000	137.940.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	163.103.000.000	37.790.000.000
	325.978.000.000	175.730.000.000

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	2.561.109.859.718	2.260.313.335.808
▪ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	25.954.337.153	13.076.189.363
	2.587.064.196.871	2.273.389.525.171
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(69.309.709)	(83.391.057)
Doanh thu thuần	2.586.994.887.162	2.273.306.134.114

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ gia công và may mặc	2.224.038.099.939	2.004.504.865.792
Giá vốn hàng bán và dịch vụ khác	20.426.337.709	7.428.707.248
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.843.975.990)	(1.851.777.964)
	2.242.620.461.658	2.010.081.795.076

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay và ứng trước	14.589.342.963	10.839.213.075
Cổ tức được chia	192.000.000	168.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.124.492.595	37.171.907.755
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.615.939	3.023.337
	54.908.451.497	48.182.144.167

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	21.901.635.203	18.557.317.987
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.906.870.768	10.039.921.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.812.355.261	9.724.762.838
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(505.678.651)	-
Chi phí tài chính khác	200.702.000	-
	37.315.884.581	38.322.001.871

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.289.889.749	3.267.094.878
Chi phí vật liệu, bao bì	353.594.085	348.195.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	317.267.276	444.068.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.763.919.444	38.102.688.503
Chi phí khác	8.920.753.324	9.077.892.026
	41.645.423.878	51.239.939.272

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	46.675.170.439	42.703.086.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.192.780.689	5.594.817.418
Thuế, phí và lệ phí	5.919.147.482	6.939.873.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.546.537.337	11.391.464.665
Chi phí khác	20.220.279.869	18.162.009.947
	94.553.915.816	84.791.252.022

38. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	24.292.929
Tiền phạt, bồi thường, thưởng nhận được	4.646.745.091	5.144.437.198
Các khoản thu nhập khác	1.299.840.328	487.306.935
	5.946.585.419	5.656.037.062

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	23.981.481	-
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	205.914.569	581.355.815
Các khoản chi phí khác	691.839.192	778.263.058
	921.735.242	1.359.618.873

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.316.113.317.657	1.215.495.810.620
Chi phí nhân viên	762.839.266.797	627.575.854.580
Chi phí khấu hao và phân bổ	68.826.184.151	61.086.728.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	275.949.889.677	305.057.776.580

41. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	43.849.186.213	28.221.213.833
Dự phòng thiếu trong những năm trước	10.805.437	113.969.757
	43.859.991.650	28.335.183.590
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	386.392.393	567.413.380
	44.246.384.043	28.902.596.970

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	232.459.522.503	142.558.915.453
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	46.491.904.501	28.511.783.091
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(879.421.035)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	543.593.410	433.200.704
Thu nhập không bị tính thuế	(371.803.920)	(275.441.445)
Biến động của chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(1.243.088.850)	(67.461.563)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	473.314.438
Dự phòng thiếu trong những năm trước	10.805.437	113.969.757
Giảm thuế (*)	(305.605.500)	(286.768.012)
	44.246.384.043	28.902.596.970

- (*) Tổng Công ty và các công ty con được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động nữ có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho người lao động nữ.

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-	1.915.544.738	383.108.948
Lỗi tính thuế tại công ty con	13.883.786.195	2.776.757.239	13.883.786.195	2.776.757.239
	13.883.786.195	2.776.757.239	15.799.330.933	3.159.866.187

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Lỗ tính thuế tại các công ty con hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	13.168.378.176
2029	Chưa quyết toán	715.408.019
		13.883.786.195

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con bởi vì không chắc chắn các công ty con này có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗ tính thuế này.

(d) Thuế suất áp dụng

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Đối với các công ty con

Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2016 đến 2030), miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 36.002.708 cổ phiếu.

(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	185.220.227.970	115.151.068.245
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(20.000.000.000)	(17.219.833.709)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	165.220.227.970	97.931.234.536
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	36.002.708	36.002.708
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.589	2.720

(*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 dựa trên ước tính của Ban điều hành Tổng Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm 2025.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được điều chỉnh lại theo số phân bổ thực tế lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26) như sau:

	Lợi nhuận thuần VND	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	108.151.068.245	36.002.708	3.004
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.219.833.709)	-	(284)
Số điều chỉnh lại	97.931.234.536	36.002.708	2.720

43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cổ tức bằng tiền	-	44.548.410.000
Mua dịch vụ	7.594.234.518	8.004.927.869
Thanh toán gốc vay	3.225.664.506	2.797.633.633
Chi phí lãi vay	6.659.081.104	7.701.553.833
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.174.413.663	2.060.953.067
Mua hàng hóa và dịch vụ	38.235.668.108	30.411.781.794
Nhận hoàn trả gốc cho vay	1.171.430.000	1.171.430.000
Thu nhập lãi cho vay và ứng trước	217.943.325	292.763.655
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	126.407.885	269.872.238
Mua dịch vụ	5.411.316.333	32.676.716.387
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	-	642.800.000
Cổ tức nhận được bằng tiền	642.800.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2025 30/6/2024
VND VND

Các công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Bán hàng hóa và dịch vụ	269.248.265	67.971.949
Mua hàng hóa và dịch vụ	197.032.699	178.012.244

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Bán hàng hóa	-	459.994.037
--------------	---	-------------

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín -
công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia
đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của
Tổng Công ty

Mua dịch vụ	1.377.734.756	1.347.641.507
Bán dịch vụ	-	63.290.565
Cổ tức bằng tiền	-	151.034.000

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của
người quản lý chủ chốt

Tổng Giám đốc

Tiền lương và thưởng	1.315.182.815	1.235.827.518
----------------------	---------------	---------------

Thành viên khác trong Ban điều hành

Tiền lương và thưởng	7.044.351.589	7.319.105.716
----------------------	---------------	---------------

Thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thưởng và thù lao	345.141.115	344.461.042
-------------------------------	-------------	-------------

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tiền lương và thưởng	2.389.155.166	1.615.823.135
----------------------	---------------	---------------

Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị

Thù lao và tiền lương	198.997.246	46.666.662
-----------------------	-------------	------------

Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị

Thù lao	60.000.000	46.666.662
---------	------------	------------

Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị

Thù lao và thưởng	221.333.332	207.777.775
-------------------	-------------	-------------

Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị

Thù lao và tiền lương	536.730.627	46.666.662
-----------------------	-------------	------------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Cổ tức trả thông qua bù trừ công nợ	-	1.486.201.500
Lãi cho vay, ứng trước nhận được thông qua bù trừ công nợ	217.943.325	292.763.655

45. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với số liệu trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan; thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đối với số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Thùy Linh
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Bình
Tổng Giám đốc

